TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2024/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 17 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Tấn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 8, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Tấn H và bà Trần Thị Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tấn H và bà Trần Thị Thanh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Tấn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 17/11/2015 và Phạm Cát T, sinh ngày 25/8/2017. Ông H không yêu cầu bà Trần Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông H, bà T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Tấn H và bà Trần Thị Thanh T xác định không có.

- Về án phí: Ông Phạm Tấn H nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (trong đó ông H nộp thay cho bà Trần

Thị Thanh T 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001067 ngày 14/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D - tỉnh Khánh Hòa; ông H, bà T đã nộp đủ án phí. Hoàn trả lại cho ông H 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã D (Nơi đăng ký kết hôn - Giấy chứng nhận kết hôn số 065/2015 ngày 26/10/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.